Số: 70/TB-; 25/11/2026; 10:36:18; +07:00

PHỤ LỤC
DANH MỤC NHÀ, ĐẤT ĐỐI DƯ CHO THUÊ SAU SẮP XẾP ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH (Đợt 8)
(Kèm theo Thông báo số /TBT-TDVTH ngày tháng 11 năm 2026 của Trung tâm dịch vụ tổng hợp)

STT	Tên cơ sở nhà, đất/Đơn vị có tài sản	Địa chỉ	Mã tài sản	Diện tích (m2)			Đơn giá cho thuê (đồng/m2/năm) - Đợt 8	Diện tích nhà cho thuê (m2)	Thời hạn cho thuê (năm)	Giá cho thuê (đồng/tháng)	Giá cho thuê (đồng/năm)	Mục đích sử dụng	Tiền đặt trước (đồng)	Thời gian, địa điểm nộp Phiếu đăng ký thuê nhà, tiền đặt trước	Thời gian, địa điểm tổ chức xác định người được quyền thuê nhà
				Đất	Sàn xây dựng nhà	Sàn sử dụng nhà									
I	**Nhà đất cho thuê theo Phương thức Niêm yết giá**			**466,0**	**112,0**	**112,0**									
1	Trường TH Nguyễn Văn Cừ (Điểm trường	Thôn Plei Tơ Nghia	CS 4	466,0	112,0	112,0	43.116	112,0	5	402.415	4.828.984	Thương mại và dịch vụ, trong đó bao gồm các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục – đào đạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường, nhà kho, cửa hàng mua bán, trưng bày, giới thiệu sản phẩm và một số lĩnh vực kinh doanh mà pháp luật không nghiêm cấm	1.207.246	Từ 07 giờ 00 ngày 26/11/2026 đến 17 giờ 00 ngày 02/12/2026; tại số 26 Nguyễn Sơn, phường Kon Tum, tỉnh Quảng Ngãi (đường sau Quảng trường 16/3)	Từ 07 giờ 00 ngày 03/12/2026 đến 17 giờ 00 ngày 03/12/2026, tại số 26 Nguyễn Sơn, phường Kon Tum, tỉnh Quảng Ngãi (đường sau Quảng trường 16/3)
II	**Nhà đất cho thuê theo Phương thức Chào giá cạnh tranh**			**25.598,8**	**7.595,4**	**21.027,5**							-		
2	Trụ sở làm việc Thanh tra Sở Xây dựng	03 Nguyễn Thái Học, Kon Tum	CS 22	644,0	341,0	356,0	153.159	356,0	1	4.543.724	54.524.687	Thương mại và dịch vụ, trong đó bao gồm các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục – đào đạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường, nhà kho, cửa hàng mua bán, trưng bày, giới thiệu sản phẩm và một số lĩnh vực kinh doanh mà pháp luật không nghiêm cấm	2.726.234	Từ 07 giờ 00 ngày 26/11/2026 đến 17 giờ 00 ngày 02/12/2026; tại số 26 Nguyễn Sơn, phường Kon Tum, tỉnh Quảng Ngãi (đường sau Quảng trường 16/3)	Từ 07 giờ 00 ngày 03/12/2026 đến 17 giờ 00 ngày 03/12/2026, tại số 26 Nguyễn Sơn, phường Kon Tum, tỉnh Quảng Ngãi (đường sau Quảng trường 16/3)
3	Thanh tra tỉnh	144 Bà Triệu, Kon Tum	CS 23	1.957,0	520,0	1.081,0	201.064	1.081,0	10	18.112.506	217.350.074		108.675.037		
4	Trạm Khí Tượng Thủy Văn (Kon Tum)	Đường Bắc Kạn, phường Kon Tum	CS 30	4.523,0	145,0	145,0	387.483	145,0	5	4.682.082	56.184.989		14.046.247		
5	Quỹ đầu tư phát triển tỉnh	45 Ba Đình, Kon Tum	CS 33	786,0	235,5	671,1	180.009	671,1	10	10.067.025	120.804.296		60.402.148		
6	Liên hiệp các Hội khoa học và Kỹ thuật tỉnh	413 Ure, Kon Tum	CS 34	1.418,4	616,4	1.978,4	90.350	1.978,4	10	14.895.662	178.747.941		89.373.970		
7	Trụ sở của UBND phường Thống Nhất cũ	509, đường Nguyễn Huệ, Phường Kon Tum	CS 16	1.248,0	436,0	806,0	311.174	806,0	10	20.900.536	250.806.427	Thương mại và dịch vụ, trong đó bao gồm các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục – đào đạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường, nhà kho, cửa hàng mua bán, trưng bày, giới thiệu sản phẩm và một số lĩnh vực kinh doanh mà pháp luật không nghiêm cấm	125.403.213	Từ 07 giờ 00 ngày 26/11/2026 đến 17 giờ 00 ngày 02/12/2026; tại số 26 Nguyễn Sơn, phường Kon Tum, tỉnh Quảng Ngãi (đường sau Quảng trường 16/3)	Từ 07 giờ 00 ngày 03/12/2026 đến 17 giờ 00 ngày 03/12/2026, tại số 26 Nguyễn Sơn, phường Kon Tum, tỉnh Quảng Ngãi (đường sau Quảng trường 16/3)
8	Ngân hàng nhà nước Khu vực 9	345 Trần Phú, phường Kon Tum	CS38	1909,2	635,6	2.878,0	643.429	2.878,0	10	154.315.811	1.851.789.736		925.894.868		
9	Sở Xây dựng tỉnh (cũ)	345 Bà Triệu, phường Kon Tum	CS39	1583,6	775,9	2.111,0	205.115	2.111,0	1	36.083.176	432.998.113		21.649.906		
10	Công ty CP Tư vấn đầu tư và Xây dựng Kon Tum	119 Lê Hồng Phong, phường Kon Tum	CS40	430	388,0	626,0	202.503	626,0	1	10.563.923	126.767.075		6.338.354		
11	Trụ sở làm việc Chi cục QLTT tỉnh Quảng Ngãi (cơ sở 2)	494 Trần Phú, phường Kon Tum, tỉnh Quảng Ngãi	CS41	1.714	876,0	1.801,0	206.106	1.801,0	10	30.933.100	371.197.197		185.598.598		
12	Trụ sở làm việc Thuế cơ sở 7	Đường bao khu dân cư phía Bắc, phường Kon Tum	CS42	6.185	659,0	3.669,0	1.051.234	3.669,0	10	321.414.848	3.856.978.172	Thương mại và dịch vụ, trong đó bao gồm các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục – đào đạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường, nhà kho, cửa hàng mua bán, trưng bày, giới thiệu sản phẩm và một số lĩnh vực kinh doanh mà pháp luật không nghiêm cấm	1.928.489.086	Từ 07 giờ 00 ngày 26/11/2026 đến 17 giờ 00 ngày 02/12/2026; tại số 26 Nguyễn Sơn, phường Kon Tum, tỉnh Quảng Ngãi (đường sau Quảng trường 16/3)	Từ 07 giờ 00 ngày 03/12/2026 đến 17 giờ 00 ngày 03/12/2026, tại số 26 Nguyễn Sơn, phường Kon Tum, tỉnh Quảng Ngãi (đường sau Quảng trường 16/3)
13	Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum (cũ)	204 Trần Phú, phường Kon Tum	CS43	2.073,0	1.492,0	4.292,0	99.517	4.292,0	10	35.594.068	427.128.815		213.564.407		
14	Trung tâm Nước sạch và VSMT nông thôn tỉnh Quảng Ngãi	88 Hai Bà Trưng, phường Kon Tum, tỉnh Quảng Ngãi)	CS 35	1.127,6	475,0	613,0	102.000	613,0	10	5.210.500	62.526.000		31.263.000		